



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định coating

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351

Nguy hại về môi trường Cấp tính thủy sinh loại 1 - H400 Mãn tính thủy sinh loại 1 - H410

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Câu cảnh báo nguy cơ

H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.
H410 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
EUH208 Chứa 2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE. Có thể sản sinh ra phản ứng gây dị ứng.

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE**Câu phòng ngừa**

P264 Rửa sạch da bị nhiễm hóa chất sau khi sử dụng hóa chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P273 Tránh thải ra môi trường.
P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.
P301+P310 NẾU NUỐT PHẢI: GỌI TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ ngay lập tức.
P308+P313 NẾU bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.

Bao gồm

4,4'-METHYLENEbis(2-ETHYLANILINE)

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**Hỗn hợp**

4,4'-METHYLENEbis(2-ETHYLANILINE) Số CAS: 19900-65-3 Nhân tố M (cấp tính) = 1 Nhân tố M (mãn tính) = 1	30-60%
Phân loại Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tố gây ung thư loại 2 - H351 Cấp tính thủy sinh loại 1 - H400 Mãn tính thủy sinh loại 1 - H410	
AMORPHOUS SILICA Số CAS: 7631-86-9	1-5%
Phân loại Kích ứng mắt loại 2A - H319 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	
2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE Số CAS: 26530-20-1 Nhân tố M (cấp tính) = 1 Nhân tố M (mãn tính) = 1	<1%
Phân loại Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 3 - H311 Độc tính cấp tính loại 3 - H331 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Cấp tính thủy sinh loại 1 - H400 Mãn tính thủy sinh loại 1 - H410	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**Mô tả các biện pháp sơ cứu****Thông tin chung**

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Khí hoặc hơi gây kích ứng.
------------------------------	----------------------------

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
---	--

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Do not breathe vapour.
-----------------------------------	--

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

Những lưu ý khi sử dụng

Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Sử dụng và mở thùng chứa một cách cẩn thận. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất

Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt

Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Polyvinyl alcohol (PVA). Cao su Viton (cao su florua). Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Plastic or rubber gloves, boots and suit.

Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Khi phun xịt, đeo mặt nạ cung cấp khí phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Khi phun xịt, đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp cả mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài

Chất lỏng nhớt.

Màu sắc

Đen.

Mùi đặc trưng

Mùi nhẹ.

Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi

> 150°C @

Điểm chớp cháy

> 200°C

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

Tỷ trọng tương đối	1.41 - 1.5 @ 20 °C
Tính tan	Ít tan trong nước.
Độ nhớt	3000-8000 Pa s @ 20°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit. Chất oxy hóa.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 159.337,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 4.761.905,0

Độc tính cấp tính- qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 11.111.111,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 47.619,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 7.937,0

Thông tin chung	According to experience no harmful effects are to be expected under proper handling conditions according to Section 8. The product has not been tested. The information is derived from the properties of the individual components.
Sự hít phải	Không có nguy hại sức khỏe nào được biết.
Sự ăn phải	Gây hại: có nguy cơ gây ra những tác động không thể phục hồi khi nuốt phải.
Tiếp xúc với da	Harmful: possible risk of irreversible effects in contact with skin. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE

Độc tính môi sinh	Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Very toxic to aquatic organisms.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	3082
Số UN (IMDG)	3082
Số UN (ICAO)	3082

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (4,4'-METHYLENEbis(2-ETHYLANILINE), 2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (4,4'-METHYLENEbis(2-ETHYLANILINE), 2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (4,4'-METHYLENEbis(2-ETHYLANILINE), 2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	9
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	9
Nhóm IMDG	9
Nhóm/ mục ICAO	9

C-AQUALINE 300 TROWEL GRADE**Nhãn vận chuyển****Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường III
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường 90
bộ/Đường sắt)

PHẦN 15: Thông tin luật định**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 4

Ngày thay thế 29/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H311 Độc hại nếu tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H331 Độc hại nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.
H400 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh.
H410 Rất độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
EUH208 Chứa 2-OCTYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE. Có thể sản sinh ra phản ứng dị ứng.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.